

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THĂM ĐÒ CHỨC NĂNG

Địa chỉ: Tổ 10, P. Minh Khai, TP. Hà Giang /Điện thoại: 02193886058 /Fax: 02193886195
Email: khoa_xet_nghiem_dphg@gmail.com

Số: 182 / PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

1. Tên mẫu : Nước sạch - Bể chứa chung.
2. Nơi lấy mẫu : Tổ 17, P. Trần Phú, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang
3. Mã số mẫu : 06.21.25-1
4. Mô tả mẫu : Nước trong, không màu, có mùi clo.
5. Số lượng mẫu : 03 lít/ mẫu x 01 mẫu.
6. Thời gian lưu mẫu : Không có mẫu lưu.
7. Ngày lấy mẫu : 14/6/2021
8. Ngày nhận mẫu : 14/6/2021
9. Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 14/6/2021 đến ngày 23/6/2021
10. Nơi gửi mẫu : Vũ Lan Anh.
Công ty cổ phần cấp thoát nước tỉnh Hà Giang - Tổ 5, phường Trần Phú, tỉnh Hà Giang.

11. Kết quả thử nghiệm : **Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Coliforms *	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	<3	KPH
2	E.coli *	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	<1	KPH
3	S.aureus	CFU/100mL	TCVN 4830-1:2005	<1	KPH
4	P.aeruginosa	CFU/100mL	QĐ 3347- 2001/BYT	<1	KPH
5	Màu sắc	Độ màu	TCVN 2653:1978	15	KPH LOQ:4 độ
6	Mùi vị	Điểm	TCVN 2653:1978	Không có mùi vị lạ	KPH
7	Độ đục	NTU	H.QT.13	2	1,00
8	pH *	-	TCVN 6492:2011	6,0-8,5	7,15
9	Tổng Canxi Và Magie*	mg/L	TCVN 6224: 1996	300	14,60
10	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	H.QT.17	1000	8,640
11	Hàm lượng Clorua *	mg/L	TCVN 6194 : 1996	250	1,70

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Địa chỉ: Tổ 10.P. Minh Khai. TP. Hà Giang /Điện thoại: 02193886058 /Fax: 02193886195

Email: khoaxetnghiemdphg@gmail.com

12	Hàm lượng sắt*	mg/L	TCVN 6177: 1996	0,3	0,058
13	Hàm lượng mangan tổng số	mg/L	H.QT.08	0,1	0,039
14	Hàm lượng nitrit*	mg/L	TCVN 6178: 1996	0,05	0,015
15	Hàm lượng nitrat*	mg/L	TCVN 6180: 1996	2	0,146
16	Hàm lượng sulfat	mg/L	TCVN 6200: 1996	250	8,5469
17	Chỉ số pecmanganat	mg/L	H.QT.06	2	0,96
18	Hàm lượng sunfua	mg/L	H.QT.21	0,05	KPH LOQ:0,01
19	Hàm lượng Amoni	mg/L	H.QT.04	0,3	0,071
20	Hàm lượng kẽm	mg/L	H.QT.16	2	0,009
21	Hàm lượng chì	mg/L	TCVN 6193:1996	0,01	KPH LOQ:0,001
22	Hàm lượng thủy ngân	mg/L	TCVN 7877 : 2008	0,001	KPH LOQ:0,001
23	Hàm lượng Cadimi	mg/L	TCVN 6197:1996	0,003	KPH LOQ:0,001
24	Hàm lượng đồng	mg/L	TCVN 6193:1996	1	0,010
25	Hàm lượng Nhôm	mg/L	TCVN 6657:2000	0,2	0,032
26	Clo dư	mg / L	H.QT.03	0,2-1,0	0,322

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).

Hà Giang, ngày 23 tháng 6 năm 2021

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trần Tuấn

TRƯỞNG KHOA

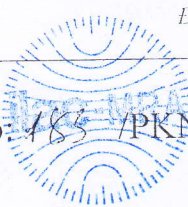
XN-CDHA-TDCN

Phan Thị Nga

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THẨM DÒ CHỨC NĂNG

Địa chỉ: Tổ 10 P. Minh Khai, TP. Hà Giang / Điện thoại: 02193886058 / Fax: 02193886195
Email: khoaxetnghiemdphg@gmail.com

Số: 185 / PKN-KSBT



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

1. Tên mẫu : Nước sạch - Giữa mạng lưới.
2. Nơi lấy mẫu : Nguyễn Đức Tài - tổ 12, P. Trần Phú, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang
3. Mã số mẫu : 06.21.25-2
4. Mô tả mẫu : Nước trong, không màu, có mùi clo.
5. Số lượng mẫu : 03 lít/ mẫu x 01 mẫu.
6. Thời gian lưu mẫu : Không có mẫu lưu.
7. Ngày lấy mẫu : 14/6/2021
8. Ngày nhận mẫu : 14/6/2021
9. Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 14/6/2021 đến ngày 23/6/2021
10. Nơi gửi mẫu : Vũ Lan Anh.
Công ty cổ phần cấp thoát nước tỉnh Hà Giang - Tổ 5, phường Trần Phú, tỉnh Hà Giang.

11. Kết quả thử nghiệm : Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Coliforms *	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	<3	KPH
2	E.coli *	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	<1	KPH
3	S.aureus	CFU/100mL	TCVN 4830-1:2005	<1	KPH
4	P.aeruginosa	CFU/100mL	QĐ 3347-2001/BYT	<1	KPH
5	Màu sắc	Độ màu	TCVN 2653:1978	15	KPH LOQ:4 độ
6	Mùi vị	Điểm	TCVN 2653:1978	Không có mùi vị lạ	KPH
7	Độ đục	NTU	H.QT.13	2	1,01
8	pH *	-	TCVN 6492:2011	6,0-8,5	7,23
9	Tổng Canxi Và Magie*	mg/L	TCVN 6224: 1996	300	15,40
10	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	H.QT.17	1000	9,559
11	Hàm lượng Clorua *	mg/L	TCVN	250	2,20

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Địa chỉ: Tổ 10.P. Minh Khai, TP. Hà Giang /Điện thoại: 02193886058 /Fax: 02193886195
 Email: khoa_xet_nghiem_dphg@gmail.com

			6194 : 1996		
12	Hàm lượng sắt*	mg/L	TCVN 6177: 1996	0,3	0,038
13	Hàm lượng mangan tổng số	mg/L	H.QT.08	0,1	0,036
14	Hàm lượng nitrit*	mg/L	TCVN 6178: 1996	0,05	0,018
15	Hàm lượng nitrat*	mg/L	TCVN 6180: 1996	2	0,274
16	Hàm lượng sulfat	mg/L	TCVN 6200: 1996	250	8,4666
17	Chỉ số pecmanganat	mg/L	H.QT.06	2	1,28
18	Hàm lượng sunfua	mg/L	H.QT.21	0,05	KPH LOQ:0,01
19	Hàm lượng Amoni	mg/L	H.QT.04	0,3	0,088
20	Hàm lượng kẽm	mg/L	H.QT.16	2	0,011
21	Hàm lượng chì	mg/L	TCVN 6193:1996	0,01	KPH LOQ:0.001
22	Hàm lượng thủy ngân	mg/L	TCVN 7877 : 2008	0,001	KPH LOQ:0.001
23	Hàm lượng Cadimi	mg/L	TCVN 6197:1996	0,003	KPH LOQ:0.001
24	Hàm lượng đồng	mg/L	TCVN 6193:1996	1	0,012
25	Hàm lượng Nhôm	mg/L	TCVN 6657:2000	0,2	0,032
26	Clo dư	mg / L	H.QT.03	0,2-1,0	0,269

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).

Hà Giang, ngày 23 tháng 6 năm 2021

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trần Tuấn

TRƯỞNG KHOA
XN-CĐHA-TDCN

Phan Thị Nga

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG

Địa chỉ: Tổ 10, P. Minh Khai, TP. Hà Giang /Điện thoại: 02193886058 /Fax: 02193886195

Email: khoaxetnghiemdphg@gmail.com

Số: 184/PKN-KSBT



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

1. Tên mẫu : Nước sạch - Cuối mạng lưới.
2. Nơi lấy mẫu : Trịnh Thị Giang - tổ 11, P. Minh Khai, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang
3. Mã số mẫu : 06.21.25-3
4. Mô tả mẫu : Nước trong, không màu, có mùi clo.
5. Số lượng mẫu : 03 lít/ mẫu x 01 mẫu.
6. Thời gian lưu mẫu : Không có mẫu lưu.
7. Ngày lấy mẫu : 14/6/2021
8. Ngày nhận mẫu : 14/6/2021
9. Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 14/6/2021 đến ngày 23/6/2021
10. Nơi gửi mẫu : Vũ Lan Anh.
 Công ty cổ phần cấp thoát nước tỉnh Hà Giang - Tổ 5, phường Trần Phú, tỉnh Hà Giang.

11. Kết quả thử nghiệm : **Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Coliforms *	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	<3	KPH
2	E.coli *	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	<1	KPH
3	S.aureus	CFU/100mL	TCVN 4830-1:2005	<1	KPH
4	P.aeruginosa	CFU/100mL	QĐ 3347-2001/BYT	<1	KPH
5	Màu sắc	Độ màu	TCVN 2653:1978	15	KPH LOQ:4 độ
6	Mùi vị	Điểm	TCVN 2653:1978	Không có mùi vị lạ	KPH
7	Độ đục	NTU	H.QT.13	2	0,98
8	pH *	-	TCVN 6492:2011	6,0-8,5	7,25
9	Tổng Canxi Và Magie*	mg/L	TCVN 6224: 1996	300	16,00
10	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	H.QT.17	1000	9,938
11	Hàm lượng Clorua *	mg/L	TCVN	250	2,55

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THĂM DÒ CHỨC NĂNG
 Địa chỉ: Tổ 10.P. Minh Khai. TP. Hà Giang /Điện thoại: 02193886058 /Fax: 02193886195
 Email: khoa_xet_nghiem_dphg@gmail.com

			6194 : 1996		
12	Hàm lượng sắt*	mg/L	TCVN 6177: 1996	0,3	0,072
13	Hàm lượng mangan tổng số	mg/L	H.QT.08	0,1	0,036
14	Hàm lượng nitrit*	mg/L	TCVN 6178: 1996	0,05	0,021
15	Hàm lượng nitrat*	mg/L	TCVN 6180: 1996	2	0,289
16	Hàm lượng sulfat	mg/L	TCVN 6200: 1996	250	8,1417
17	Chỉ số pecmanganat	mg/L	H.QT.06	2	1,38
18	Hàm lượng sunfua	mg/L	H.QT.21	0,05	KPH LOQ:0,01
19	Hàm lượng Amoni	mg/L	H.QT.04	0,3	0,096
20	Hàm lượng kẽm	mg/L	H.QT.16	2	0,012
21	Hàm lượng chì	mg/L	TCVN 6193:1996	0,01	KPH LOQ:0,001
22	Hàm lượng thủy ngân	mg/L	TCVN 7877 : 2008	0,001	KPH LOQ:0,001
23	Hàm lượng Cadimi	mg/L	TCVN 6197:1996	0,003	KPH LOQ:0,001
24	Hàm lượng đồng	mg/L	TCVN 6193:1996	1	0,014
25	Hàm lượng Nhôm	mg/L	TCVN 6657:2000	0,2	0,035
26	Clo dư	mg / L	H.QT.03	0,2-1,0	0,237

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).

Hà Giang, ngày 23 tháng 6 năm 2021

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trần Tuấn

**TRƯỞNG KHOA
 XN-CDHA-TDCN**

Phan Thị Nga

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Địa chỉ: Tổ 10.P. Minh Khai. TP. Hà Giang /Điện thoại: 02193886058 /Fax: 02193886195

Email: khoa_xetnghiemdphg@gmail.com

Số: **785/PKN-KSBT**



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

1. Tên mẫu : Nước sạch - Giếng khoan trạm số 4.
2. Nơi lấy mẫu : Vòi nước giếng khoan tại bể chứa chung BVĐK tỉnh Hà Giang
3. Mã số mẫu : 06.21.25-4
4. Mô tả mẫu : Nước trong, không màu, có mùi clo.
5. Số lượng mẫu : 03 lít/ mẫu x 01 mẫu.
6. Thời gian lưu mẫu : Không có mẫu lưu.
7. Ngày lấy mẫu : 14/6/2021
8. Ngày nhận mẫu : 14/6/2021
9. Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 14/6/2021 đến ngày 23/6/2021
10. Nơi gửi mẫu : Vũ Lan Anh.

Công ty cổ phần cấp thoát nước tỉnh Hà Giang - Tổ 5,
phường Trần Phú, tỉnh Hà Giang.

11. Kết quả thử nghiệm : Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Coliforms *	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	<3	KPH
2	E.coli *	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	<1	KPH
3	S.aureus	CFU/100mL	TCVN 4830-1:2005	<1	KPH
4	P.aeruginosa	CFU/100mL	QĐ 3347-2001/BYT	<1	KPH
5	Màu sắc	Độ màu	TCVN 2653:1978	15	KPH LOQ:4 độ
6	Mùi vị	Điểm	TCVN 2653:1978	Không có mùi vị lạ	KPH
7	Độ đục	NTU	H.QT.13	2	1,23
8	pH *	-	TCVN 6492:2011	6,0-8,5	7,35
9	Tổng Canxi Và Magie*	mg/L	TCVN 6224:1996	300	14,60
10	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	H.QT.17	1000	9,316
11	Hàm lượng Clorua *	mg/L	TCVN	250	2,27

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Địa chỉ: Tổ 10.P. Minh Khai. TP. Hà Giang /Điện thoại: 02193886058 /Fax: 02193886195
 Email: khoaxetnghiemdphg@gmail.com

			6194 : 1996		
12	Hàm lượng sắt*	mg/L	TCVN 6177: 1996	0,3	0,075
13	Hàm lượng mangan tổng số	mg/L	H.QT.08	0,1	0,047
14	Hàm lượng nitrit*	mg/L	TCVN 6178: 1996	0,05	0,011
15	Hàm lượng nitrat*	mg/L	TCVN 6180: 1996	2	0,127
16	Hàm lượng sulfat	mg/L	TCVN 6200: 1996	250	8,3129
17	Chỉ số pecmanganat	mg/L	H.QT.06	2	1,21
18	Hàm lượng sunfua	mg/L	H.QT.21	0,05	KPH LOQ:0,01
19	Hàm lượng Amoni	mg/L	H.QT.04	0,3	0,071
20	Hàm lượng kẽm	mg/L	H.QT.16	2	0,011
21	Hàm lượng chì	mg/L	TCVN 6193:1996	0,01	KPH LOQ:0,001
22	Hàm lượng thủy ngân	mg/L	TCVN 7877 : 2008	0,001	KPH LOQ:0,001
23	Hàm lượng Cadimi	mg/L	TCVN 6197:1996	0,003	KPH LOQ:0,001
24	Hàm lượng đồng	mg/L	TCVN 6193:1996	1	0,014
25	Hàm lượng Nhôm	mg/L	TCVN 6657:2000	0,2	0,056
26	Hàm lượng asen	mg/L	TCVN 6626:2000	0,01	KPH LOQ:0,002

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).

Hà Giang, ngày 23 tháng 6 năm 2021



Nguyễn Trần Tuấn

TRƯỞNG KHOA
XN-CDHA-TDCN

Phan Thị Nga